

Số: 29/2024/QĐST- DS

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 97/2024/TLST- DS ngày 26 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **N T T H**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 402, Lý Thường Kiệt, khu 6, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- **Bị đơn:** Bà **N T H**, sinh năm 1960

Trú tại: Số 436, đường Ngô Gia Tự, phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **N T H**, sinh năm 1965

Trú tại: Khu đất mới chợ Cầu Kim, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bà **N T T H**, sinh năm 1967

Trú tại: Số 64 Nguyễn Huy Tưởng, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Bà **N T K L**, sinh năm 1972

Trú tại: Số 90, đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

4. Chị **N N H**, sinh năm 1999.

5. Chị **N H T**, sinh năm 2003.

Cùng trú tại: Khu Đồng Sậy, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N T T H:** Bà Nguyễn Thị Liệu, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Số 1 Bắc Ninh.

Địa chỉ: Số 216A, Nguyễn Cao, khu Hòa Đình, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N T H, bà N T H và bà N T TH:** Bà Trịnh Cẩm Bình – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Biển Đông – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

Địa chỉ: P301, Số 5, phố Bà Triệu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Xác định di sản của cụ Nguyễn Đản và cụ Nguyễn Thị Trình là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 279, tờ bản đồ số 09, diện tích sử dụng 621,7 m² tại địa chỉ: Tổ 25, khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có giá trị: 4.973.600.000 VNĐ

Xác định các công trình xây dựng trên đất và cây lâm lộc trên đất gồm: Nhà cấp 4 diện tích 78 m²; 01 cấp 4 diện tích 56.7m², bếp diện tích 9.0m², lán diện tích 12m², nhà tắm diện tích 8,9m², 01 cây bơ, 01 cây quất hồng bì, 01 cây mít, 01 cây nhãn. Các công trình xây dựng trên đất đã hết giá trị khấu hao.

2.2. Xác định hàng thừa kế thứ 1 của cụ Nguyễn Đản và cụ Nguyễn Thị Trình gồm: Bà N T H, bà N T T H, bà N T H, bà N T TH, bà N T K L, ông Nguyễn

Quang Đạo (do ông Đạo đã chết và chết sau cụ Đản và cụ Trình nên hai con của ông Đạo là chị N N H và chị N H T được hưởng kỷ phần của ông Đạo để lại).

Di sản của cụ Nguyễn Đản và cụ Nguyễn Thị Trình được chia làm 06 phần. Mỗi đồng thừa kế được hưởng kỷ phần là $1/6 = 103,6 \text{ m}^2 = 828.933.333 \text{ VNĐ}$.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà N T K L về việc tặng cho, nhường phần thừa kế mà mình được hưởng cho bà N T T H hưởng cả.

2.3. Giao kỷ phần thừa kế cho các bên bằng hiện vật như sau:

2.3.1. Giao cho bà N T T H nhận: Quyền sử dụng đất 183.3 m^2 thuộc thửa đất số 279 được xác định là thửa 279-3 được giới hạn bởi các điểm: A,6,E,B,A (thể hiện trên sơ đồ thửa đất đính kèm). Tài sản trên đất: 01 phần lán diện tích $12,0 \text{ m}^2$, 01 phần nhà tắm diện tích $8,9 \text{ m}^2$, 01 cây bơ, 01 cây quất hồng bì, 01 cây mít.

2.3.2. Giao cho bà N T H, bà N T H, bà N T TH cùng nhận: Quyền sử dụng đất 274.3 m^2 thuộc thửa đất số 279 được xác định là thửa 279-2 được giới hạn bởi các điểm: B,E,7,8,9,D,C,B (thể hiện trên sơ đồ thửa đất đính kèm). Tài sản trên đất: nhà cấp 4 lợp ngói diện tích 78.0 m^2 , 01 bếp diện tích 9.0 m^2 , 01 phần nhà cấp 4 diện tích $56,7 \text{ m}^2$, 01 phần lán diện tích $12,0 \text{ m}^2$, 01 phần nhà tắm diện tích $8,9 \text{ m}^2$, 01 cây nhãn.

2.3.3. Giao cho chị N N H và chị N H T cùng nhận: Quyền sử dụng đất 91.5 m^2 thuộc thửa đất số 279 được xác định là thửa 279-1 được giới hạn bởi các điểm: C,D,10,11,12,13,14,C (thể hiện trên sơ đồ thửa đất đính kèm). Tài sản trên đất: 01 phần nhà cấp 4 diện tích $56,7 \text{ m}^2$

2.3.4. Cắt 72.6 m^2 của thửa đất số 279 làm ngõ đi chung của các thửa 279-1, 279-2 và 279-3, được giới hạn bởi các điểm A,B,C,14,15,16,17,18,19,20,21,A (thể hiện trên sơ đồ thửa đất đính kèm).

Bà N T H, bà N T H, bà N T TH, bà N T T H và chị N N H và chị N H T cùng có trách nhiệm tháo dỡ nhà cấp 4 diện tích $56,7 \text{ m}^2$, lán diện tích $12,0 \text{ m}^2$, nhà tắm diện tích $8,9 \text{ m}^2$ trên phần diện tích mà mình được chia để làm thủ tục cấp lại GCNQĐĐ theo quyết định của Tòa án.

2.4. Về án phí và chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: - Miễn nộp toàn bộ án phí cho bà N T T H và bà N T H.

- Bà N T T H phải chịu án phí theo kỷ phần bà Nguyễn Thị Ngọc Liên được hưởng nhưng đã tặng cho bà Hà là: 18.434.000 VNĐ

- Bà N T TH phải chịu án phí là: 18.434.000 VNĐ

- Bà N T H phải chịu án phí là: 18.434.000 VNĐ

- Chị N N H và chị N H T phải chịu án phí là: 18.434.000 VNĐ.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà N T T H, bà N T H, bà N T H, bà N T TH, bà Nguyễn Thị Ngọc Liên mỗi người phải chịu 1.167.000 VNĐ, chị N N H, chị N H T phải chịu 1.167.000 VNĐ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Hà đã nộp 7.000.000 VNĐ tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận các đương sự đã thanh toán với nhau xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hoan

